

BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ
HỘI-BỘ TƯ PHÁP-BỘ
NGOẠI GIAO-BỘ NỘI VỤ
Số: 01/TT-LB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 19 tháng 1 năm 1993

THÔNG TƯ

LIÊN BỘ BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI, TƯ PHÁP,
NGOẠI GIAO, NỘI VỤ

***Hướng dẫn thực hiện Quy định tạm thời ban hành kèm theo Quyết định số 145/HĐBT
ngày 29 tháng 4 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ)***

Ngày 29-4-1992, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) ra Quyết định số 145/HĐBT ban hành Quy định tạm thời về việc cho người nước ngoài nhận con nuôi là trẻ em Việt Nam bị mồ côi, bị bỏ rơi, bị tàn tật ở các cơ sở nuôi dưỡng do Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý.

Căn cứ Điều 11 Quy định tạm thời, Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tư pháp, Ngoại giao, Nội vụ hướng dẫn thực hiện như sau:

I. PHẠM VI ÁP DỤNG QUY ĐỊNH TẠM THỜI

1. Quy định tạm thời chỉ áp dụng đối với việc người nước ngoài nhận con nuôi là trẻ em Việt Nam bị mồ côi, bị bỏ rơi, bị tàn tật, hiện đang sống trong các cơ sở nuôi dưỡng do Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý. Các cơ sở nuôi dưỡng này bao gồm:

- Các cơ sở do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý.
- Các cơ sở do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương quản lý.

2. Người nước ngoài nói trong Quy định tạm thời là người không có quốc tịch Việt Nam vào thời điểm xin nuôi con nuôi, bao gồm:

- Người có quốc tịch nước ngoài và người không có quốc tịch, kể cả người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam.

Những người nói trên khi xin nhận con nuôi phải lớn tuổi hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên.

II. HỒ SƠ VÀ THỦ TỤC GIẢI QUYẾT VIỆC

XIN NHẬN CON NUÔI

1. Hồ sơ của người xin nhận con nuôi bao gồm các giấy tờ sau:

a) Đơn xin nhận con nuôi: trong đơn phải ghi rõ họ; tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nơi thường trú; địa chỉ liên lạc; nghề nghiệp và ghi rõ mục đích chính đáng của việc xin nhận con nuôi; cam kết thực hiện các khoản 2, 3, 4 và 5 theo Điều 8 của Quy định tạm thời. Đơn có kèm theo ảnh của người xin nhận con nuôi.

Trường hợp người xin nhận con nuôi đã biết rõ về trẻ em mà họ xin nhận làm con nuôi thì ghi đủ họ; tên; giới tính; tuổi và cơ sở nuôi dưỡng trẻ em đó.

Trường hợp người xin nhận con nuôi chưa biết về trẻ em mà họ xin nhận làm con nuôi, thì trong đơn nêu rõ về độ tuổi, giới tính, tình trạng sức khoẻ của trẻ em; nếu xin nhận trẻ em bị tàn tật làm con nuôi thì ghi rõ loại tàn tật.

Nếu người xin nhận con nuôi đang có vợ hoặc chồng, thì đơn phải có đủ chữ ký và ghi rõ họ, tên của cả vợ và chồng.

b) Giấy của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ở nước mà người xin nhận con nuôi là công dân hoặc thường trú chứng nhận người đó có đủ điều kiện để nuôi con nuôi theo pháp luật của nước mà người đó là công dân hoặc thường trú và việc xin trẻ em Việt Nam làm con nuôi được thừa nhận là hợp pháp và hợp thức.

c) Giấy chứng nhận của một cơ sở y tế có thẩm quyền ở nước ngoài đó là công dân hay thường trú bảo đảm người xin nhận con nuôi không mắc bệnh truyền nhiễm và tâm thần.

d) Giấy xác nhận về mức thu nhập hàng năm đủ đảm bảo việc nuôi dưỡng con nuôi.

e) Giấy khai sinh.

g) Bản chụp hộ chiếu hoặc giấy tờ thay hộ chiếu.

Giấy chứng nhận trong điểm b, giấy xác nhận mức thu nhập, giấy tờ xác nhận về y tế (nếu được cấp ở nước ngoài) của người xin nhận con nuôi phải được hợp pháp hoá tại các cơ quan Đại diện Ngoại giao, Lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài hoặc tại Vụ Lãnh sự - Bộ Ngoại giao. Nếu người xin nhận con nuôi đang có vợ hoặc chồng thì các giấy tờ ở điểm c, d, e, g phải có đủ của cả hai người.